KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chủ nhiệm: TS. Phạm Đình Thành
Đơn vị: Viện khoa học BHXH
Năm thực hiện: 2016

1. Đặt vấn đề

Việc mở rộng đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với BHXH mà còn đối với hệ thống an sinh xã hội (ASXH) và cả sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, đến cuối năm 2016, mới có khoảng 12,9 triệu người tham gia BHXH bắt buộc; 11,1 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Việc người lao động có quan hệ lao động, thậm chí là lao động chính thức có thu nhập và kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuộc diện tham gia BHXH nhưng không được tham gia BHXH đã gây nên nhiều hệ lụy về kinh tế - xã hội cả trước mắt và lâu dài cho bản thân họ và gia đình họ cũng như tiềm ẩn nhiều bất ổn cho xã hội. Vì vậy việc *"Nghiên cứu các giải pháp quản lý và phát triển đối tượng tham gia BHXH trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội"* là cần thiết và kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng rộng rãi trong cả nước.

2. Mục tiêu

- Nghiên cứu lý luận chung về quản lý người lao động (LĐ) trong các doanh nghiệp (DN) đối với việc tham gia BHXH và thuế TNCN.

- Đánh giá thực trạng tình hình tham gia BHXH bắt buộc của người LĐ trong sự so sánh với số LĐ đang làm việc thuộc diện kê khai thuế TNCN của các DN.

- Đề xuất các giải pháp nhằm quản lý và phát triển số người tham gia BHXH tại DN trên địa bàn Tp Hà Nội.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu điều tra, khảo sát, phân tích, so sánh nguồn cơ sở dữ liệu giữa cơ quan BHXH và cơ quan thuế.

- Nghiên cứu định tính qua thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu các chuyên gia, các nhà quản lý.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những vấn đề chung về BHXH bắt buộc, thuế TNCN và đặc điểm các DN, việc làm và thu nhập của người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nhìn tổng thể nền kinh tế quốc dân và xét về phương diện điều tiết kinh tế vĩ mô thì công cụ thuế TNCN và BHXH được thực hiện trong quá trình phân phối lại, theo lý thuyết phân phối đều được nhà nước sử dụng vào mục đích an sinh xã hội. Việc nộp thuế TNCN và đóng góp BHXH từ tiền lương, tiền công của người LĐ trong các DN là nghĩa vụ của người LĐ. Chủ sử dụng LĐ cùng có nghĩa vụ kê khai thuế thu nhập, khấu trừ thuế TNCN của người LĐ cũng như có nghĩa vụ đóng góp phần BHXH cho người LĐ và nộp phần BHXH của người LĐ.

Đề tài cũng đề cập đến Luật DN, về các loại hình DN, quyền và trách nhiệm của DN đối với BHXH và thuế TNCN; những nội dung chính về BHXH bắt buộc đối với người lao động tại các doanh nghiệp bao gồm cả chính sách về BHXH, BHYT, BHTN và người LĐ trong các DN theo quy định của Luật BHXH.

Trên cơ sở đó, tác giả phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa nộp thuế TNCN và đóng BHXH của người LĐ trong các DN theo 7 tiêu thức: mục đích; phương thức phân phối và quyền lợi; ý nghĩa; đối tượng; mức thu nhập; nội dung thu nhập làm căn cứ và phương pháp khấu trừ thuế và thu BHXH.

Đề tài đã làm rõ khái niệm về quản lý đối tượng tham gia BHXH; khái niệm về phát

triển đối tượng tham gia BHXH và phân tích nội dung của công tác quản lý đối tượng tham gia BHXH bắt buộc bao gồm: đối tượng, phạm vi, nội dung, vai trò và công cụ quản lý.

Trong nghiên cứu của mình, tác giả cũng đã mô tả được đặc điểm của các doanh nghiệp, việc làm và thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có các đặc điểm sau: Thứ nhất, DN trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính biến động cao, theo đó trung bình một năm có khoảng 15-16 nghìn DN thành lập mới, nhưng cũng có khoảng 9.000 - 12.000 DN ngừng hoạt động, bỏ trốn, mất tích, bỏ địa chỉ kinh doanh... Thứ hai, vai trò của DN tư nhân trong cung cấp việc làm cho người lao động.Theo tác giả, khu vực DN tư nhân dẫn đầu trong việc giải quyết việc làm cho người LĐ và có xu hướng ngày càng tăng. Lao động trong khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài cũng có xu hướng tăng dù không nhiều. Lao động trong khu vực DN nhà nước có xu hướng giảm. Thứ ba, thu nhập của LĐ trong khối DN ngoài nhà nước chiếm tỉ trọng lớn và ngày càng tăng. Theo thống kê của tác giả, tính chung trên tổng số DN, thu nhập của LĐ trong khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất 67,4% và có xu hướng tăng trong những năm gần đây; khu vực nhà nước là 17,3% và có xu hướng giảm trong thời gian gần đây (do số LĐ giảm) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 15,3%, gần như không thay đổi so với những năm gần đây.

4.2. Thực trạng quản lý việc tham gia BHXH và thuế TNCN của người lao động tại các DN trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tác giả đã căn cứ kết quả hoạt động của BHXH TP Hà Nội giai đoạn 2011-2015 và đánh giá:

* Số lượng LĐ tham gia BHXH tăng dần qua các năm: Cùng với số tăng về số lượng DN, số lượng LĐ tham gia BHXH cũng tăng dần qua các năm: năm 2011, số lượng LĐ tham gia BHXH là 868.075 người thì đến năm 2015 số LĐ tham gia BHXH là 1.014.601 người (tăng 16,87%).

* Số thu BHXH cũng tăng nhanh: cùng với số tăng về số DN, về đối tượng tham gia, số tiền thu BHXH hàng năm cũng tăng nhanh: năm 2011, số thu BHXH đạt 5.597 tỷ đồng, đến năm 2015 đã đạt 13.145 tỷ đồng.

Tuy nhiên, qua hoạt động thống kê khảo sát, tác giả cũng đánh giá về thực trạng quản lý và tham gia BHXH và thuế TNCN của người LĐ trên địa bàn thành phố với những tồn tại và hạn chế sau:

- Theo số liệu do Cục Thuế thành phố Hà Nội cung cấp thì tính đến hết 31/12/2015 tổng số đơn vị đăng ký và nộp thuế là 128.273 đơn vị. Tuy nhiên, tổng số đơn vị là DN tham gia BHXH trên địa bàn thành phố Hà Nội cùng thời điểm chỉ là 41.672 đơn vị, bằng 32,48% tổng số đơn vị đăng ký và nộp thuế. Như vậy, so với tổng số đơn vị đăng ký và nộp thuế thì còn 86.601 đơn vị chưa đăng ký tham gia BHXH, chiếm 67,52% trong tổng số đơn vị đăng ký và nộp thuế.

- Kết quả điều tra khảo sát thực trạng tham gia BHXH với tổng số 5.900 phiếu tại 50 DN trên địa bàn Thành phố Hà Nội cho thấy tỷ lệ số người đã tham gia BHXH bình quân chung chỉ bằng 58,03% số người được khảo sát; mức tiền lương, tiền công làm căn cứ đóng BHXH chủ yếu là mức tiền lương, tiền công ghi trong HĐLĐ hoặc mức lương tối thiểu vùng, chiếm tới 98% số người được khảo sát, đồng thời tỷ lệ giữa số người tham gia BHXH so với số người kê khai thuế TNCN tại các DN khảo sát bình quân năm chỉ khoảng 30%.

Những tồn tại, hạn chế là do nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi tham gia BHXH của người sử dụng LĐ và người LĐ còn hạn chế, nhất là khu vực ngoài nhà nước; công tác thanh kiểm tra chưa được thường xuyên, khiến DN có tâm lý đối phó, trốn tránh; sự phối hợp giữa các ban, ngành trong việc khai thác mở rộng đối tượng cũng như giải quyết vấn đề nợ đọng và trốn đóng BHXH có lúc chưa hiệu quả, việc xử lý còn chậm và qua nhiều khâu, nhiều cấp.

Bên cạnh việc đánh giá thực trạng, đề tài cũng đề cập đến tiêu thức quản lý người LĐ đang tham gia BHXH bắt buộc trong các DN và các tiêu thức quản lý đối với người LĐ kê khai thuế TNCN.

Khi so sánh các tiêu thức quản lý DN và

người LĐ trong các DN giữa ngành BHXH và ngành Thuế cho thấy các tiêu thức dùng chung đối với người LĐ trong các DN có thể được khai thác, sử dụng chung giữa 2 ngành là: họ và tên; ngày tháng năm sinh; số CMND, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ cư trú. Vì vậy việc tiến tới xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu chung để cùng khai thác về việc làm, thu nhập được chi trả cho người LĐ là cần thiết nhằm làm minh bạch hóa thông tin về người LĐ, việc làm và thu nhập của họ.

Đề tài phân tích về thực trạng công tác phối hợp quản lý về DN và người LĐ trong các DN của cơ quan BHXH thành phố và các ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội như: Cục thuế, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Liên đoàn lao động,...Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá: Việc trao đổi thông tin về người LĐ và DN của các cơ quan nói trên hiện chỉ mang tính chất hợp tác theo từng nội dung, từng công việc khi cần thiết mà không mang tính thường xuyên và đồng bộ.

4.3. Đề xuất các giải pháp nhằm quản lý và phát triển số người tham gia BHXH trong các DN trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tác giả đề cập đến một hệ thống các giải pháp bao gồm:

4.3.1. Giải pháp về chính sách

- Tiếp tục chính sách khuyến khích phát triển DN và duy trì hoạt động của DN nhằm thu hút người LĐ vào làm việc trong các DN.

- Cần nghiên cứu xây dựng chính sách nhằm hỗ trợ DN trong thời kỳ chuyển đổi như: tiền chi trả cho người LĐ bị thu hẹp thời gian làm việc trong ngày, trong tuần, trong tháng nhằm hỗ trợ cho DN giữ người LĐ trong thời kỳ tạm ngừng hoặc hạn chế sản xuất, kinh doanh, tránh việc sa thải người LĐ; trợ cấp của Nhà nước về chi phí tiền lương giúp cho các DN giữ lại làm việc đối với người lớn tuổi nhưng chưa đủ tuổi nghỉ hưu; trợ cấp tiền cho chủ DN tham gia liên kết và nhận thêm LĐ; trợ cấp khuyến khích tạo việc làm cho phụ nữ, cho người tàn tật... Những khoản hỗ trợ này sẽ được chủ sử dụng LĐ chi trả tiền lương và đóng góp BHXH trực tiếp cho người lao động.

- Sớm triển khai thực hiện Bộ Luật Hình sự trong đó có điều khoản quy định về tội trốn đóng BHXH cho người lao động.Việc hình sự hóa hành vi trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người LĐ là đáp ứng yêu cầu đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người LĐ, bảo vệ các quan hệ pháp luật và những quy định trong lĩnh vực LĐ được nghiêm chỉnh thực thi.

- Bổ sung thêm vào Luật BHYT nhóm đối tượng làm việc từ đủ 01 tháng đến dưới 3 tháng và công dân nước ngoài được phép làm việc tại Việt Nam trong các DN để thực hiện cho đồng bộ với Luật BHXH từ ngày 01/01/2018.

- Nghiên cứu xu hướng cân đối ngắn hạn các quỹ ốm đau thai sản, quỹ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp và quỹ bảo hiểm thất nghiệp nhằm điều chỉnh tỷ lệ đóng góp trong khoảng thời gian hợp lý, trong những điều kiện kinh tế - xã hội và mức độ tuân thủ pháp lý nhất định, hạn chế tình trạng cân đối dài hạn các quỹ BHXH ngắn hạn nhằm giải quyết hài hòa vấn đề sản xuất kinh doanh, tiêu dùng trước mắt với vấn đề tích lũy lâu dài của nền kinh tế quốc dân.

- Quy định về việc phối hợp quản lý người lao động và thu nhập từ lao động của họ tại doanh nghiệp trong Luật thuế TNCN và Luật BHXH.

- Bổ sung quy định về cấp có thẩm quyền và quyền của tổ chức công đoàn được khởi kiện ra tòa đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ và thực thi trong Luật BHXH, Luật Công đoàn, Bộ Luật Lao động và Bộ Luật Tố tụng dân sự.

4.3.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHXH trình UBND Thành phố phê duyệt làm cơ sở pháp lý để các ngành, UBND các quận, huyện cùng phối hợp với BHXH thành phố triển khai thực hiện. Đây là một công việc mới đối với BHXH TP Hà Nội, do đó Phòng Thu BHXH Hà Nội và bộ phận thu của BHXH các quận, huyện phải bố trí cán bộ, đầu tư thời gian tiến hành xây dựng kế hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, giáo dục với nhiều hình thức để nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, tổ chức, đoàn

thể, chủ sử dụng LĐ và người LĐ về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách BHXH. Việc tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất nói chung, trong đó có tiền lương, các khoản phụ cấp lương và các khoản đóng góp BHXH – được coi là các khoản chi phí mang tính xã hội cho người lao động vào giá thành sản phẩm sẽ phải trở thành một trong những đòi hỏi hàng đầu đối với hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy khi tất cả chủ sử dụng lao động đều coi khoản chi phí đóng BHXH là khoản chi phí tất yếu, không thể trốn tránh được trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khoản chi phí ấy phải được xã hội thừa nhận thì ý thức tự giác tuân thủ pháp luật về BHXH của chủ sử dụng lao động sẽ trở thành một hành vi đương nhiên, cần thiết.

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ BHXH cho người lao động. Khi có DN mới được thành lập, Phòng Thu của BHXH TP Hà Nội và bộ phận thu của BHXH quận, huyện cần có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn kịp thời cho các DN làm thủ tục đăng ký BHXH. Cần phát huy vai trò bảo vệ quyền lợi cho người LĐ của tổ chức công đoàn DN cũng như các tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp, công đoàn cấp quận, huyện cùng phối hợp chia sẻ thông tin với ngành BHXH để có đủ số liệu về danh sách người lao động thuộc diện phải tham gia BHXH mà chưa được tham gia BHXH trong từng DN.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về trốn đóng, nợ đọng; có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác Thanh tra - kiểm tra của BHXH TP; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp với các ngành hữu quan và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn; tổ chức thực hiện tốt các hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra. BHXH TP Hà Nội cần chuẩn bị tốt đầy đủ hồ sơ về nợ, số liệu, các thủ tục BHXH của các DN và cung cấp hồ sơ cho Liên đoàn Lao động thành phố tiến hành khởi kiện ra Tòa án đối với các đơn vị nợ đọng BHXH để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, viên chức.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động phối hợp quản lý người lao động trong các doanh nghiệp giữa BHXH TP Hà Nội và các ngành có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Việc phối hợp nguồn dữ liệu và cùng chia sẻ thông tin về người LĐ trong các DN cần được thực hiện theo giải pháp trước mắt sau:

Cách 1. Theo phương pháp thủ công:

Rà soát giữa 2 danh sách cụ thể về họ và tên từng người đã tham gia BHXH với danh sách họ và tên từng người đã kê khai thuế TNCN có hợp đồng lao động từ 3 tháng (vào cùng thời điểm nhất định, cụ thể là vào cùng 1 tháng trong năm). Sau đó gửi công văn đến đơn vị yêu cầu giải trình danh sách những người đã kê khai thuế TNCN nhưng chưa được tham gia BHXH. Sau 3 lần nhắc nhở, nếu chưa có giải trình, khắc phục sẽ triển khai kiểm tra hoặc thanh tra tình tình hình đóng BHXH cho người LĐ tại DN.

Cách làm 2. Tra cứu thông tin về danh sách người lao động trong các doanh nghiệp bằng hệ thống kết nối thông tin giữa ngành thuế và ngành BHXH.

Khi hệ thống thông tin dữ liệu đã được kết nối liên thông giữa Tổng cục thuế và BHXH Việt Nam thì phòng thu BHXH TP Hà Nội và bộ phận thu BHXH các quận, huyện chủ động thực hiện khai thác dữ liệu, không phải gửi công văn yêu cầu cục thuế hoặc chi cục thuế cung cấp danh sách người lao động. Đồng thời cùng với việc sử dụng nguồn dữ liệu giữa 2 ngành, có thể xây dựng phần mềm rà soát việc trùng tên trong từng doanh nghiệp để giảm bớt thời gian rà soát thủ công.

4.3.3. Đề xuất kiến nghị với UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo phối hợp công tác giữa BHXH TP với các ngành có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc phối hợp công tác giữa Bảo hiểm xã hội thành phố; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế; Sở Thông tin và Truyền thông;

(xem tiếp trang 12) ⇨

Đề nghị cho phép Bảo hiểm xã hội Việt Nam được tự sắp xếp số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quản lý viên chức theo thẩm quyền được giao theo quy định Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trong đó tập trung các giải pháp vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách, quản lý, sử dụng quỹ BHXH, BHYT, BHTN chặt chẽ, an toàn, hiệu quả đạt được mục tiêu đề ra, vừa giảm áp lực về công việc, giảm thời gian làm thêm giờ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến mọi tầng lớp xã hội, nhất là chủ sử dụng lao động và người lao động về Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ đối tượng tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thu nộp bảo hiểm xã hội xuống còn 49,5 giờ/năm vào cuối năm 2015; thực hiện giao dịch điện tử trong thủ tục tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đề nghị cấp sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, xây dựng và hoàn thiện các phần mềm nghiệp vụ, cấp mã định danh bảo hiểm xã hội; tạo lập, quản lý cơ sở dữ liệu tập trung; nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống mạng và hạ tầng công nghệ thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống các văn bản do Thủ tướng Chính phủ, các Bộ chức năng ban hành về quản lý tài chính ngành BHXH

2. Hệ thống các văn bản do BHXH Việt Nam ban hành về quản lý tài chính ngành BHXH

NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ...

(tiếp theo trang 6)

Sở Tư pháp; Thanh tra; Công an; Ngân hàng nhà nước Hà Nội; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; UBND các quận, huyện, thị xã; Liên đoàn Lao động và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hà Nội trong việc thực hiện chính sách pháp luật BHXH, BHYT, BHTN.

4.3.4. Đề xuất kiến nghị với BHXH Việt Nam

- Đề nghị lãnh đạo BHXH Việt Nam kiến nghị lên các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như Quốc hội, Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan hoàn thiện hệ thống các chính sách, pháp luật đã nêu trên.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về DN và người lao động làm cơ sở để tăng cường trao đổi thông tin về DN và người LĐ đối với các ngành liên quan, đặc biệt là ngành thuế.

- Xây dựng chính sách thi đua, khen thưởng và khuyến khích tiền lương đối với cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong việc phát triển đối tượng tham gia BHXH trong các DN cũng như khen thưởng các sáng kiến cải tiến thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DN và người LĐ tham gia BHXH./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

2. Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11; Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;

3. Quy chế phối hợp số 03/QCPP-LĐLĐ-BHXH ngày 28/12/2012 giữa Liên đoàn lao động thành phố và Bảo hiểm xã hội thành phố trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

4. Quy chế phối hợp số 724/QCPP-BHXH-CT ngày 28/12/2012 giữa Bảo hiểm xã hội TP Hà Nội với Cục thuế TP Hà Nội.

5. Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/7/2008 của Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.